

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22-03-2019

Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quang Sơn và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 / 3 /2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/9/2018 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1985;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn 3, xã Phú C, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Chị Đ có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Th** sinh năm 1981.

ĐKHKTT: Thôn 3, xã Phú C, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà, Tổng cục VIII- Bộ Công an- Địa chỉ: Xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày 01 / 3 /2019 anh Th có đơn yêu cầu Tòa án huyện Q giải quyết ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 25/5/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 9/11/2017 của chị Đ, lời khai tại phiên tòa, chị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú C, huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 17/4/2003. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 31/11/2003 phạm tội trộm cắp tài sản và bị phạt tù, sau khi chấp hành án xong về nhà đến ngày 23/5/2009 anh Th lại phạm tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành án xong đến ngày 21/3/2011 anh Th lại trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong đến tháng 4/2014 anh Th phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị phạt 7 năm 6 tháng tù và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Th mãi chơi bời và nhiều lần mắc vào tệ nạn xã hội, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và từ năm 2014 anh Th đi trại chấp hành án, hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị Đ yêu cầu được ly hôn anh Th, anh Th đồng ý ly hôn và ký đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2004. Hiện tại con đang ở với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ xin nuôi con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Đ và anh Th tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định.

Bị đơn anh Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Đ tìm hiểu tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú C năm 2003. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống được vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là năm 2014 anh Th bị phạt 7 năm 6 tháng tù và phải đi chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà, Tổng cục VIII- Bộ Công an ở huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nên mâu thuẫn về tình cảm và từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn anh Th đồng ý ly hôn. Anh Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2004 hiện tại con đang ở với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ xin nuôi con anh Thủy đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Th và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy rằng sau khi thụ lý hồ sơ vụ án và nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết ly hôn. Do đó về thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định quy định tại Điều 48; 195; 196 của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28,35; Điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ. Xử cho chị Đ được ly hôn anh Th và giao con cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết do các đương sự có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội nơi nguyên đơn cư trú giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, bị đơn có đủ căn cứ xác định:

+Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Phú C, huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 17/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn Nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Th vi phạm pháp luật lần, chị Đ khuyên ngăn nhưng anh Th không nghe và tiếp tục phạm tội, năm 2014 anh Th bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ năm 2013 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và quá trình thu thập chứng cứ anh Th đồng ý ly hôn và không yêu cầu hòa giải. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

+Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2004 hiện tại con đang ở với chị Đ. Quá trình thu thập chứng cứ chị Đ xin nuôi con và anh Th đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của chị Đ và anh Th là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ và anh Th. Giao cho chị Đ tiếp tục nuôi cháu Đ đến khi trưởng thành.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Th cho đến khi có Quyết định khác.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Đ và anh Th đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc chị Đ phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

1.1 - Về con chung chị Đ và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/02/2004 hiện nay đang ở với chị Đ. Giao cho chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Th cho đến khi có Quyết định khác.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.2 - Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Đ đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010556 ngày 24/9/2018 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

3 - Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Văn Thành

